TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2018/HS-ST
Ngày 25-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Huề;

2.Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh TB

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 đối với:

Các bị cáo:

1.Lưu Đình D sinh năm 1985; nơi sinh: Xã B, huyện P, tỉnh TB; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn Ng, xã B, huyện P, tỉnh TB; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lưu Đình L1 sinh năm 1958 và bà: Nguyễn Thị L2 sinh năm 1960; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tháng 02/2006 nhập ngũ, đến tháng 7/2007 xuất ngũ về địa phương. Năm 2014 bị TAND huyện Quỳnh Phụ xử phạt 02 năm tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" (*hiện đã được xóa án tích*);

2.Lê Văn Th sinh ngày 09/6/1999; nơi sinh: Xã H, huyện P, tỉnh TB; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn L, xã H, huyện P, tỉnh TB; Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông: Lê Văn Đ(đã chết) và bà: Nguyễn Thị C sinh năm 1980; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội "*Trộm cắp tài sản*" (*đã được xóa án tích*)

Các bị cáo đều bị tạm giam từ ngày 29/6/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (*Các bị cáo đều trích xuất có mặt tại phiên tòa*).

Bị hại: Anh Bùi Trung Đ sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện P, tỉnh TB.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thành Đ1 sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn K, xã Ch, huyện P, tỉnh TB.

(Tại phiên tòa anh Đ và ông Đ1 đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lưu Đình D và Nguyễn Văn Th có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17/6/2018 Th đi xe mô tô nhãn hiệu Waves, màu đen biển kiểm soát 17B1 – 330.35 của mẹ đẻ đến nhà D chơi. D rủ Th đi trộm cắp chó để lấy tiền chi tiêu, Th đồng ý rồi điều khiển xe mô tô rồi chở D đi theo đường liên xã đến nhà anh Bùi Trung Đ, thấy nhà anh Đ không khóa cổng, bên trong có 01 con chó: giống đực, loại chó lai, lông màu vàng đen, trọng lượng khoảng 33 kg đang đứng ở sân. Th dừng xe ở ngoài cảnh giới, D xuống xe mở cổng đi vào sân nhà anh Đ, lại gần thấy con chó quẫy đuôi không sủa, D đưa tay luồn qua bụng, qua cổ, ôm con chó bê con chó ra ngoài đặt lên yên xe máy rồi cả hai đi về nhà D. Sau khi cho chó vào bao tải, loại xác rắn màu trắng của gia đình thì D dùng dao cắt một lỗ nhỏ ở gần miệng con chó để chó khỏi ngạt rồi cả hai đi ngủ. Đến khoảng 11 giờ D điều khiển xe mô tô chở Th ngồi sau ôm bao tải đựng con chó đến bán cho anh Nguyễn Thành Đ1 với giá 1.500.000 đồng. Số tiền bán chó D chia mỗi người 750.000 đồng, số tiền này cả hai đã chi tiêu hết.

Ngày 27/6/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện Quỳnh Phụ kết luận con chó mà D và Th trộm cắp của anh Đ có giá trị là 2.310.000 đồng (*Hai triệu ba trăm mười nghìn đồng*).

Trong quá trình Điều tra, Truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Các bị cáo còn khai nhận: Các bị cáo không nhớ thời gian cụ thể chỉ nhớ lúc bị cáo Th đến nhà bị cáo D khoảng 18 giờ 30 ngày 17/6/2018 ngồi chơi một lúc các bị cáo đi trộm cắp, khi đi các bị cáo còn đi lòng vòng rồi mới đến nhà anh Đ, các bị cáo chỉ nhớ lúc đến nhà anh

Đ khoảng 22 giờ đêm, hành vi diễn ra nhanh chỉ 2 – 3 phút, sau khi bắt được chó các bị cáo đi về nhà bị cáo D ngay, đến khoảng 23 giờ các bị cáo đi ngủ.

Bị hại anh Bùi Trung Đ khai: Tối ngày 17/6/2018 vào khoảng 22 giờ anh đi ngủ, anh không khóa cửa chỉ khép hờ lúc đó chó vẫn còn, đến khoảng 06 giờ sáng hôm sau anh phát hiện con chó đã bị mất. Nay anh đã nhận lại con chó đã bị mất đúng như đặc điểm đã nêu trên anh không có ý kiến gì về việc giải quyết phần trách nhiệm dân sự, còn về trách nhiệm hình sự anh đề nghị giải quyết theo quy đinh của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Đ1 khai: vào khoảng 11 giờ ngày 18/6/2018, D và Th có đến bán chó cho ông với giá là 1.500.000 đồng, ông không biết con chó này là tài sản trộm cắp, ông đã giao lại con chó lại cho cơ quan Điều tra, nay ông không yêu cầu các bị cáo hoàn lại số tiền ông đã mua chó của các bị cáo.

Bản cáo trạng số 79/CT-VKSQP ngày 08/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh TB truy tố Lưu Đình D và Lê Văn Th về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với D và Th về tội "*Trộm cắp tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo D và Th phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, Điều 50, điểm h và s khoản 1 Điều 51và Điều 38, Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo D; phạt bị cáo D từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, bị cáo Th từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết; về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại

về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận do thiếu tiền chi tiêu nên bị cáo D đã rủ bị cáo Th cùng nhau đi trộm cắp chó bán để lấy tiền chi tiêu. Các bị **c**áo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Đêm ngày ngày 17/6/2018, bị cáo Lưu Đình D và Lê Văn Th đã có hành vi trộm cắp 01 con chó, có trọng lượng 33 kg có giá trị 2.310.000 đồng của anh Bùi Trung Đ ở thôn N, xã Q, huyện P, tỉnh TB. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ truy tố và kết luận các bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn các bị cáo phạm tội tự phát, không bàn bạc phân công vai trò cụ thể cho từng bị cáo song cũng cần thấy được vai trò của từng bị cáo để lên một mức án tương xứng với vai trò của từng bị cáo. Bị cáo D là người khởi xướng, rủ rê, là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, sau khi đã trộm cắp được tài sản thì bị cáo là người tích cực nhất trong việc bảo quản tài sản, trực tiếp giao dịch bán tài sản và trực tiếp chia tiền. Còn bị cáo Th sau khi được bị cáo D rủ rê hưởng ứng ngay, bị cáo đứng ở ngoài để cảnh giới và dùng phương tiện quản lý của mình để phạm tội. Bị cáo Th là người giúp sức cho bị cáo D. Như vậy, bị cáo D có vai trò cao hơn, tích cực hơn so với bị cáo Th.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu các bị cáo không chịu lao động mà lại thực hiện trộm cắp tài sản của người khác, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong

đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung, như mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tài sản mà các bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*gây thiệt hại không lớn*" và "*thành khẩn khai báo*" theo quy định tại điểm h và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo D có thời gian tham gia quân đội nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về nhân thân các bị cáo thì thấy: Bị cáo D đã từng bị Tòa án xét xử về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", còn bị cáo Th ngày 16/9/2016 bị Tòa án xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng do thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên lần phạm tội này bị cáo không được tính là tái phạm theo quy định tại điểm b khoản 1 Đều 107 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đã từng bị tòa án xét xử, giáo dục song không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo.

Từ những căn cứ nêu trên nên về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo D phải cao hơn bị cáo Th là phùi hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*", như vậy, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, sống phụ thuộc gia đình vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Bùi Trung Đ đã nhận lại con chó bị các bị cáo trộm cắp, anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Đối với số tiền 1.500.000 đồng ông Nguyễn Thành Đ1 mua chó của các bị cáo, ông Đ1 không yêu cầu các bị cáo phải hoàn lại ông số tiền này. Vì vậy về trách nhiệm dân sự HĐXX không xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô Waves biển kiểm soát 17B1 – 330.35 mà D và Th sử dụng làm phương tiện phạm tội thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị C– mẹ đẻ bị cáo Th. Bà C không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan Điều tra đã trả lại bà C. Đối với con dao mà các bị cáo dùng để cắt bao tải cho chó thở, đây là con dao của ông Lưu Đình L1- bố đẻ bị cáo D cơ quan Điều tra đã trả lại. Như vậy, Cơ quan Điều tra

đã trả lại xe mô tô cho bà C và trả lại con dao cho ông Lừng là phù hợp quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với chiếc bao xác rắn dùng để đựng chó mang đi bán có quan Điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả. Vì vậy, về vật chứng HĐXX không xét.

[10] Ông Nguyễn Thành Đ1 là người đã mua chó mà các bị cáo trộm cắp, khi mua ông Đ1 không biết đây là tài sản trộm cắp do đó Cơ quan Điều tra không xử lý về hành vi mua bán của ông Đ1 là phù hợp.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lưu Đình D và Lê Văn Th phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2.Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm h và s Khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo D:

2.1.Xử phạt bị cáo Lưu Đình D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 29/6/2018.

2.2.Xử phạt bị cáo Lê Văn Th 01 (Một) năm tù thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 29/6/2018.

3.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Lưu Đình D và Lê Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tống Đ hợp lệ bản án.

Nơi nhận
- Bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Công an &Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Thị Duyên
(đã ký)